

Số 527 /QĐ-STNMT

Đắk Nông, ngày 01 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt chương trình Kiểm soát ô nhiễm môi trường
trên địa bàn tỉnh năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 8 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-UBND, ngày 6 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác kiểm soát, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 31 tháng 08 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-STNMT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Công văn số 7442/BTNMT-TCMT ngày 30/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải;

Công văn số 6213/UBND-KTN ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông V/v tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh; Công văn số 548/UBND-KTN ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông V/v tăng cường công tác quản lý, giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động đến môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021 với các nội dung sau:

1. Tên Chương trình: Chương trình Kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021.

2. Cơ quan quản lý: Sở Tài nguyên và Môi trường

3. Đơn vị thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường

4. Mục tiêu và yêu cầu của chương trình

4.1. Mục tiêu

Thông qua hoạt động kiểm soát ô nhiễm để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tổng hợp, kiểm soát kết quả việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và xử lý các kiến nghị, phản ánh của tổ chức cá nhân về ô nhiễm, sự cố môi trường; đồng thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động để kiến nghị các cơ quan chức năng hướng dẫn, giải quyết tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hoạt động có hiệu quả.

4.2. Yêu cầu

Quá trình kiểm soát phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Kết luận nội dung kiểm soát ô nhiễm tại mỗi đơn vị sau khi làm việc và thông báo kết quả kiểm soát, kết quả phân tích mẫu (nếu có); tham mưu văn bản hướng dẫn khắc phục hoặc lập biên bản vi phạm hành chính nếu trong quá trình kiểm soát phát hiện cơ sở được kiểm soát có tình vi phạm/tái phạm, có hành vi vi phạm hoặc kết quả phân tích mẫu môi trường vượt quy chuẩn môi trường theo quy định.

Quá trình thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với UBND, phòng Tài nguyên và môi trường các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan; đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công chức làm công tác bảo vệ môi trường trong việc tham mưu lãnh đạo cơ quan thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

5. Nội dung của chương trình

5.1. Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực ô nhiễm môi trường;

- Kiểm soát ô nhiễm thường xuyên đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ có hoạt động xả chất thải ra ngoài môi trường để phục vụ công tác quản lý, hướng dẫn, giám sát, theo dõi nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý và ứng phó khắc phục sự cố môi trường (*Kết quả thực hiện xây dựng, vận hành công trình bảo vệ môi trường, biện pháp xử lý chất thải, lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý, tổng hợp số liệu quan trắc môi trường...*);

- Kiểm soát chủ dự án, chủ cơ sở gây ô nhiễm về việc khắc phục, xử lý theo nội dung chỉ đạo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường theo thẩm quyền được giao.

- Hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ sở thực hiện theo quy định, phát hiện, ngăn chặn kịp thời việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động quản lý chất thải của các cơ sở để kiểm soát ô nhiễm môi trường

5.2. Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm

- Kiểm soát kết quả chấp hành thực hiện các biện pháp khắc phục tồn tại, hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để hướng dẫn xử lý triệt để theo quy định.

- Lấy mẫu chất thải làm căn cứ đánh giá việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở; phục vụ rà soát, thẩm định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; tham mưu xử lý kịp thời hành vi cố tình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời để phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT, ngày 8/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường...

(Danh sách cơ sở tại phụ lục kèm theo)

6. Sản phẩm của chương trình

- Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ như: Kết quả thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, các tồn tại, vi phạm, kết quả thực hiện biện pháp khắc phục; nhận xét, đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để tham mưu, đề xuất giải pháp quản lý.

- Các kết quả thực hiện theo văn bản chỉ đạo cơ quan quản lý liên quan đến xử lý nội dung kiến nghị phản ánh tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Các kết quả lấy mẫu chất thải từ hoạt động kiểm soát ô nhiễm thường xuyên đối với các cơ sở. Thông báo kết quả phân tích mẫu, hướng dẫn và yêu cầu cơ sở chấp hành thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải, các biên bản vi phạm hành chính theo quy định;

- Danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 8/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (nếu có).

- Hồ sơ tham mưu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cơ sở có hành vi vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Các Thông báo kết quả kiểm soát ô nhiễm, văn bản chỉ đạo chấn chỉnh, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

7. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện chương trình (tạm tính chưa được phân bổ): 56.552.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng)

(Có dự toán chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Nguồn kinh phí: Ngân sách năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

Điều 2. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, báo cáo lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện khi kết thúc nhiệm vụ.

Trong quá trình kiểm soát ô nhiễm, tùy theo tình hình thực tế, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường có thể điều chỉnh số lượng cơ sở, mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu cho từng cơ sở được kiểm soát ô nhiễm đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình theo đúng quy định mà không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt; chủ động tham mưu lãnh đạo Sở xem xét, chỉ đạo xử lý những nội dung phát sinh.

Điều 3. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị có chức năng) lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường đảm bảo theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Giá đất, Giám đốc Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường; các cơ sở được kiểm soát ô nhiễm và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lãnh đạo Sở (Đ/c Hiệp; Đ/c Trung);
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp);
- Phòng Cảnh sát PCTP về môi trường (phối hợp);
- Lưu VT, CCBVMT (HT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Chí Trung

Phụ lục 1. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 527/QĐ-STNMT ngày 01 tháng 04 năm 2021

của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên dự án/ đơn vị được kiểm soát	Địa chỉ	Nội dung kiểm soát
I	Huyện Cư Jút		
1	Hộ chăn nuôi Phạm Văn Tài	thôn 3 tầng, xã EaPô, huyện Cư Jút	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
2	Dự án Trang trại chăn nuôi heo Hộ gia đình Bùi Đình Đoàn	thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
II	Huyện Đắk Mil		
1	Nhà máy chế biến đá bazan Đắk Mil - Công ty TNHH SX-TM đá bazan Đắk Mil	Cụm công nghiệp Thuận An, Đắk Mil	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải, công tác quản lý chất thải
2	Nhà máy chế biến đá bazan Việt Hưng (Thiên Phú)- Công ty TNHH Việt Hưng Đắk Nông	Cụm công nghiệp Thuận An, Đắk Mil	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải, công tác quản lý chất thải
3	Nhà máy chế biến đá ốp lát bazan, granit Nam Thắng - Công ty TNHH XD Nam Thắng Đắk Nông	Cụm công nghiệp Thuận An, Đắk Mil	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải, công tác quản lý chất thải
4	Nhà máy chế biến đá bazan, granit - Chi nhánh Công ty TNHH TM K.V Đơn Dương Đắk Nông	Cụm công nghiệp Thuận An, Đắk Mil	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải, công tác quản lý chất thải
III	Huyện Đắk Song		
1	Trang trại chăn nuôi Đỗ Văn Thuyết	thôn Thuận Bình, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
2	Trang trại chăn nuôi Nguyễn Đình Vinh	thôn 9, xã Nam Bình, huyện Đắk Song	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
IV	Huyện Krông Nô		
1	Trại chăn nuôi Bà Phạm Thị Vinh	thôn Yók Ju, xã Năm Nung, huyện Krông Nô	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải

2	Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV TM và DV Thành Lợi Đắk Nông	Xã Năm N'Dir, huyện Krông Nô	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải, công tác quản lý chất thải
V	Huyện Đắk G'long		
1	Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo, diện tích chuồng trại 11.646 m ² , quy mô 2.400 con heo nái sinh sản và 50 con heo nọc - Công ty TNHH chăn nuôi Tấn Lộc Vinh	tại xã Đắk Ha, huyện Đắk G'long	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
VI	Huyện Tuy Đức		
1	Dự án Trang trại chăn nuôi heo hậu bị Đức Tiến Lê, quy mô đàn 10.000 con - Công ty TNHH Đức Tiến Lê	tại xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Kiểm soát kết quả khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường
VII	Huyện Đắk R'lấp		
1	Trang trại chăn nuôi bà Trần Thị Thúy	thôn Châu Thành, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
2	Trang trại chăn nuôi Trần Thị Hoài Thu	thôn 8, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
VIII	Thành phố Gia Nghĩa		
1	Bãi rác thành phố Gia Nghĩa – Công ty Cổ phần cấp thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông	bon Cây Xoài, xã Đắk Nĩa, thành phố Gia Nghĩa	Kiểm soát chất thải, thực trạng hệ thống xử lý chất thải
TỔNG CỘNG: 15 CƠ SỞ			

(Ghi chú: Thời gian dự kiến kiểm soát cụ thể sẽ có thông báo sau để các cơ quan đơn vị và cơ sở được kiểm soát được biết).

Phụ lục 2. DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT				17.352.000	
1	Huyện Cư Jút (02 cơ sở)				4.150.400	
-	Công tác phí (05 người x 02 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	10	150.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Thuê phòng nghỉ (05 người x 300.000 đ/người/ngày x 01 đêm)	người. ngày	5	300.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới huyện Cư Jút và ngược lại là 200 km và tới 02 cơ sở kiểm soát và quay về huyện lưu trú 70 km (trung bình 35 km/cơ sở), định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	43,2	22.000	950.400	Dự kiến
-	Lệ phí cầu đường	Lượt	4	50.000	200.000	Thực tế
2	Huyện Đắk Mil (4 cơ sở)				3.733.600	
-	Công tác phí (05 người x 02 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	10	150.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Thuê phòng nghỉ (05 người x 300.000 đ/người/ngày x 01 đêm)	người. ngày	5	300.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới huyện Đắk Mil và ngược lại là 140 km và tới 04 cơ sở kiểm soát và quay về huyện lưu trú 40 km (trung bình 10 km/cơ sở), định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	28,8	22.000	633.600	Dự kiến
-	Lệ phí cầu đường	Lượt	2	50.000	100.000	Thực tế
3	Huyện Đắk Song (2 cơ sở)				1.342.800	
-	Công tác phí (05 người x 01 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người.	5	150.000	750.000	Nghị quyết số

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		ngày				24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới 02 cơ sở huyện Đắk Song và ngược lại là 140 km và định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	22,4	22.000	492.800	Dự kiến
-	Lệ phí cầu đường	Lượt	2	50.000	100.000	Thực tế
4	Huyện Krông Nô (2 cơ sở)				4.256.000	
-	Công tác phí (05 người x 02 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	10	150.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Thuê phòng nghỉ (05 người x 300.000 đ/người/ngày x 01 đêm)	người. ngày	5	300.000	1.500.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới huyện Krông Nô và ngược lại là 260 km và tới 02 cơ sở kiểm soát và quay về huyện lưu trú 40 km (trung bình 20 km/cơ sở), định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	48	22.000	1.056.000	Dự kiến
-	Lệ phí cầu đường	Lượt	4	50.000	200.000	Thực tế
5	Huyện Đắk G'long (01 cơ sở)				1.172.400	
-	Công tác phí (05 người x 01 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	5	150.000	750.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới 01 cơ sở của huyện Đắk G'long và ngược lại là 120 km và định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	19,2	22.000	422.400	Dự kiến
6	Huyện Tuy Đức (1 cơ sở)				1.242.800	
-	Công tác phí (05 người x 01 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	5	150.000	750.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
-	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới cơ sở huyện Tuy Đức và	Lít	22,4	22.000	492.800	Dự kiến

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	ngược lại là 140 km và định mức xăng 100 km/16 lít)					
7	Huyện Đắk R'lấp (2 cơ sở)				1.278.000	
-	Công tác phí (05 người x 01 ngày x 150.000 đồng/người/ngày)	người. ngày	5	150.000	750.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
	Xăng xe đi lại (ước tính từ Gia Nghĩa tới 02 cơ sở của huyện Đắk R'lấp và ngược lại là 150 km và định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	24	22.000	528.000	Dự kiến
8	Thành phố Gia Nghĩa (01 cơ sở)				176.000	
-	Xăng xe đi lại (ước tính xăng xe đi đến cơ sở của thành phố và quay về khoảng 50 km, định mức xăng 100 km/16 lít)	Lít	8	22.000	176.000	Dự kiến
II	KINH PHÍ THUÊ ĐƠN VỊ LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH MẪU TẠI CÁC CƠ SỞ				39.200.000	
1	Chi phí phân tích mẫu nước thải				20.850.000	Chi tiết phụ lục 3
2	Công tác phí (03 người x 11 ngày x 150.000 đ/người/ngày)	người. ngày	33	150.000	4.950.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
3	Thuê phòng nghỉ (03 người x 300.000 đ/người/ngày x 02 đêm)	người. ngày	6	300.000	1.800.000	Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2018
4	Tiền xe phục vụ lấy mẫu, vận chuyển mẫu, bảo quản mẫu... (1.000.000 đồng/ngày x 11 ngày, đã bao gồm VAT)	ngày	11	1.000.000	11.000.000	Thực tế
5	Lệ phí cầu đường	Lượt	12	50	600.000	Thực tế
	Tổng cộng (I+II)				56.552.000	
Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng						

Phụ lục 3. SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ PHÂN TÍCH MẪU

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Căn cứ
	TỔNG CHI PHÍ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI	<i>mẫu</i>	15	746.000	20.850.000	Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND, ngày 13/11/2018 về bộ đơn giá Quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh
1	COD	chỉ tiêu	15	211.000	3.165.000	
2	TSS	chỉ tiêu	15	134.000	2.010.000	
3	BOD ₅	chỉ tiêu	15	156.000	2.340.000	
4	Tổng N	chỉ tiêu	15	240.000	3.600.000	
5	Vận tốc	chỉ tiêu	15	5.000	75.000	
6	Tổng Coliform	chỉ tiêu	15	644.000	9.660.000	